

CƠ CHẾ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG TRỊ VÀ HÒA BÌNH¹

NCS. Nguyễn Khắc Toàn

Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

khactoan.nguyen187@gmail.com

Tóm tắt: Trong các văn kiện khác nhau của Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII đều khẳng định vai trò của nhân dân nói chung và các chủ thể khác nhau nói riêng trong phát triển kinh tế - xã hội. Để có được thành công, cơ chế “Dân biết, Dân bàn, Dân làm, Dân kiểm tra, Dân giám sát, Dân thụ hưởng” cần được thực hiện một cách triệt để. Đây cũng là cơ chế được sinh ra từ phương pháp phát triển cộng đồng trên thế giới hiện nay. Vậy cơ chế phát triển cộng đồng này được thực hiện như thế nào từ thực tế xây dựng nông thôn mới ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị? Việc phát huy cơ chế phát triển cộng đồng này có ý nghĩa và giá trị như thế nào? Trên cơ sở sử dụng dữ liệu thứ cấp từ tổng kết xây dựng nông thôn mới ở hai tỉnh nói trên kết hợp với phỏng vấn sâu một số đối tượng liên quan, bài viết này khẳng định quan điểm cho rằng, ở đâu phát huy đúng, đầy đủ và kịp thời cơ chế phát triển cộng đồng, thì ở đó thành công trong xây dựng nông thôn mới. Ngược lại, ở đâu không vận dụng, vận dụng không đầy đủ và kịp thời cơ chế phát triển cộng đồng, thì ở đó chưa có sự thành công trong xây dựng nông thôn mới.

Từ khóa: cách tiếp cận phát triển cộng đồng, cơ chế phát triển cộng đồng, xây dựng nông thôn mới.

COMMUNITY DEVELOPMENT MECHANISM IN BUILDING NEW-STYLE RURAL AREAS FROM THE REALITY IN QUANG TRI AND HOA BINH PROVINCE

Abstract: Various documents of the 13th National Congress of the Communist Party of Vietnam affirm the role of people in general and different subjects in particular in socio-economic development. In order to achieve success, the mechanism of “People knowing, discussing, executing, checking, monitoring and receiving benefits” needs to be implemented thoroughly. This is also a mechanism generated from the community development method in the world today. So, how is this community development mechanism implemented from the reality of building new-style rural areas in Hoa Binh and Quang Tri provinces? What is the meaning and value of promoting this community development mechanism? On the basis of using secondary data from the review of building new-style rural areas in the two provinces mentioned above, combined with in-depth interviews with a few relevant subjects, this article confirms the view that there will be a success in building new-style rural areas in a place where people promote the right, adequate, and timely community development mechanism. On the contrary, there will be no success in a place where the community development mechanism is not applied, or applied in an inadequate and untimely manner.

Keywords: community development approach, community development mechanism, building new-style rural areas.

Mã bài báo: JHS - 73

Ngày nhận sửa bài: 12/9/2022

Ngày nhận bài: 19/8/2022

Ngày duyệt đăng: 20/9/2022

Ngày nhận phản biện: 3/9/2022

1. Bài báo này được viết từ kết quả nghiên cứu của đề tài luận án tiến sỹ “Phát triển cộng đồng từ thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam”

1. Đặt vấn đề

Trước đây ở Việt Nam, đa số các nghiên cứu phát triển cộng đồng gắn với việc triển khai hoặc đánh giá kết quả các chương trình, dự án phát triển, mà chưa nghiên cứu sâu, toàn diện về phát triển cộng đồng trên tất cả các lĩnh vực. Có thể điểm tên một số tài liệu và công trình tiêu biểu liên quan tới vấn đề cần nghiên cứu, trong đó có những công trình mang tính lý luận, đặt nền tảng lý thuyết về phát triển cộng đồng, gồm: Giáo trình Công tác xã hội đại cương của tác giả Nguyễn Hồi Loan và Nguyễn Thị Kim Hoa, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn; Tô Duy Hợp - Lương Hồng Quang trong công trình nghiên cứu Phát triển cộng đồng - Lý thuyết và vận dụng, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội; Giáo trình Nhập môn công tác xã hội của tác giả Bùi Thị Xuân Mai, Trường Đại học Lao động - Xã hội; Luận án Tiến sĩ “Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý dựa vào cộng đồng cho nghề cá quy mô nhỏ tỉnh Thừa Thiên Huế (LA 08.0313.3)” của Nguyễn Quang Vinh Bình; Luận án Tiến sĩ (LA 11.0762.3) “Nghiên cứu hình thức quản lý dựa vào cộng đồng các công trình cấp nước tập trung tại nông thôn Việt Nam” của Nguyễn Thị Lan Hương; Luận án Tiến sĩ “Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý rừng cộng đồng ở Việt Nam”, LA62.62.60.10 của Võ Đình Tuyên; Luận án Tiến sĩ “Vai trò của phụ nữ trong phát triển cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Tây” (LA 09.0275.3) của Trần Thị Xuân Lan... Cùng với nhiều báo cáo đánh giá về thực tiễn phát triển cộng đồng tại Israel, Hàn Quốc, Đức, Úc, Nhật Bản đã được tác giả nghiên cứu, tìm hiểu. Tuy nhiên, các tài liệu trên chưa làm rõ nội hàm cơ chế phát triển cộng đồng và mối quan hệ tác động với xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt ở góc độ địa phương, chưa có nhiều nghiên cứu cụ thể, chuyên sâu để có những tổng kết, đánh giá khoa học, chính xác về vấn đề này.

“Phát triển cộng đồng” là một thuật ngữ rất đa nghĩa nên đã tạo ra nhiều tranh luận trong giới nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn (Nifle, 2010, 2015). Tuy nhiên, dưới góc nhìn của ngành công tác xã hội, phát triển cộng đồng được hiểu khá rõ theo các quan điểm sau đây: (i) phát triển cộng đồng chính là sự phát triển kinh tế - xã hội của một cộng đồng dựa trên bản chất liên kết hay bản chất đoàn kết của cộng đồng; (ii) phát triển cộng đồng là phát huy sự tham gia của cộng đồng trong các khâu phát triển kinh tế - xã hội; (iii) phát triển cộng đồng coi cộng đồng là chủ thể phát triển nên phải dựa vào sự tham gia quyết định của cộng đồng, thậm chí, dựa vào sự quyết định của cộng đồng được can thiệp; (iv) phát triển cộng đồng chính là trao quyền cho

cộng đồng và (v) phát triển cộng đồng tức là tiếp cận đáp ứng các nhu cầu của cộng đồng.

Từ thực tế xây dựng nông thôn mới ở Hòa Bình, đại diện cho một tỉnh miền núi ở phía Bắc và Quảng Trị, đại diện cho một tỉnh miền Trung giai đoạn 2016-2020, nghiên cứu này có mục tiêu làm rõ cơ chế tham gia của cộng đồng để thấy được tầm quan trọng của phát triển cộng đồng nhằm phát huy trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2030.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để tiến hành nghiên cứu này, các phân tích tài liệu, thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu các đối tượng cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, cấp thôn đã được tiến hành (bảng 1). Nội dung phân tích tài liệu chủ yếu là các báo cáo đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM) (2011-2020). Tổ chức thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu và trưng cầu ý kiến theo 4 nội dung chính: (i) sự phù hợp của các tiêu chí xây dựng NTM đối với các địa phương cấp xã; (ii) vận dụng bảy nguyên lý PTCD; (iii) vận dụng cơ chế PTCD “Dân biết, Dân bàn, dân tham gia quyết định, Dân làm, Dân kiểm tra, Dân giám sát, Dân thụ hưởng”; (iv) quy trình cơ bản về PTCD. Trong bài báo này, chúng tôi đã sử dụng các dữ liệu liên quan đến nội dung vận dụng cơ chế PTCD.

3. Chính sách và kết quả cơ chế phát triển cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới ở Hòa Bình và Quảng Trị

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về việc tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, Chính phủ và các Bộ, ngành đã ban hành hệ thống văn bản đồng bộ về thực hiện Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 bao gồm 20 văn bản chính. Ngoài ra, các Bộ, ban ngành trung ương đã có nhiều văn bản hướng dẫn và quy định các yêu cầu, tiêu chí phụ để đạt được mục tiêu nông thôn mới đối với các lĩnh vực khác nhau. Nhìn chung, các nội dung của chương trình nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2016-2020 đã đi vào thực chất và chiều sâu, bao quát hết mọi khía cạnh (kinh tế; xã hội; con người; văn hóa; môi trường). Giai đoạn 2016-2020 có nhiều bộ tiêu chí NTM được ban hành và có sự điều chỉnh so với giai đoạn 2011-2015. Chính phủ đã ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020 (Quyết

định 1980/QĐ-TTg), bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020 (Quyết định 691/QĐ-TTg), bộ tiêu chí huyện NTM và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (Quyết định 558/QĐ-TTg), khung tham chiếu NTM cấp thôn (Quyết định 1385/QĐ-TTg).

Bài báo này tập trung đánh giá sự tham gia của người dân vào các khâu khi thực hiện Quyết định 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/10/2016 về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Tuy vẫn bao gồm 19 tiêu chí như giai đoạn 2011-2015 nhưng tên và nội dung của một số tiêu chí có sự thay đổi, bao gồm 49 nội dung, tăng 10 nội dung so với giai đoạn trước. Trung ương quy định 7 vùng và cho phép cấp tỉnh quy định chỉ tiêu cụ thể cho 13/49 nội dung (trong 6 tiêu chí) để phù hợp với điều kiện và thực tế đặc thù của địa phương.

Về chính sách cấp tỉnh tại Hòa Bình và Quảng Trị, các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình NTM đã phù hợp với các văn bản TW và điều kiện địa phương. Để đáp ứng tính đặc thù của địa phương, văn bản của hai tỉnh này có sự khác biệt với văn bản TW ở các nội dung sau:

Tỉnh Hòa Bình đặt mục tiêu 40% xã đạt chuẩn NTM đến năm 2020 (28% đối với vùng Tây Bắc); còn Quảng Trị đặt mục tiêu 50-55% xã đạt chuẩn NTM, tức là thấp hơn so với chỉ tiêu đề ra của TW (59% đối với vùng Bắc Trung Bộ);

Hòa Bình ưu tiên phân bổ vốn cho các xã đăng ký đạt đích NTM, trong khi đó, mặc dù bám sát Quyết định 12/2017/QĐ-TTg (của Thủ tướng Chính phủ ngày 22 tháng 4 năm 2017 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020) của TW nhưng sử dụng ngân sách của tỉnh để hỗ trợ thêm cho các xã đăng ký về đích NTM;

Cả Hòa Bình và Quảng Trị đều có sự phân biệt giữa các xã đồng bằng khó khăn, xã thuộc Chương trình 229 (Hòa Bình), xã biên giới, an toàn khu, xã bãi ngang, ven biển (Quảng Trị). Đọc những văn bản của hai tỉnh này cho thấy, chính quyền không quy định rõ tỉ lệ đối ứng của huyện, xã và người dân (Hòa Bình) và của tỉnh, huyện, xã (Quảng Trị). So sánh giữa hai tỉnh ta thấy mức hỗ trợ của Hòa Bình thấp hơn Quảng Trị ở một số loại công trình (đường xã và đường từ trung tâm xã tới huyện; đường trục chính nội đồng; xây dựng, cải tạo nghĩa trang...);

Về định mức hợp tác phát triển sản xuất, Hòa Bình thực hiện theo các mức hỗ trợ của chính sách khuyến nông (Nghị định 02/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08 tháng 01 năm 2010 về khuyến nông, sau đó được thay thế bằng Nghị định 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về khuyến nông). Trong khi đó, tỉnh Quảng Trị quy định về mức hỗ trợ phân biệt giữa huyện khó khăn và các huyện khác;

Về tiêu chí thực hiện NTM, cả hai địa phương này đều thực hiện theo văn bản TW. Một sự khác biệt nhỏ nhỏ đó là, Hòa Bình quy định chỉ tiêu phân theo xã khu vực I/II/III, còn Quảng Trị theo xã đồng bằng/miền núi;

Cả hai địa phương này đều ban hành bộ tiêu chí NTM kiểu mẫu/nâng cao (ban hành trước so với văn bản TW). Riêng tỉnh Hòa Bình còn có bộ tiêu chí khu dân cư NTM kiểu mẫu và khu vườn kiểu mẫu;

Cả hai tỉnh đều có kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho tất cả cán bộ tham gia thực hiện xây dựng NTM. Tuy nhiên, Quảng Trị ưu tiên bồi dưỡng cho cán bộ các xã đăng ký về đích NTM.

Phân tích từ Báo cáo của UBND tỉnh Hòa Bình (Báo cáo số 298/BC-UBND ngày 30/9/2019) cho thấy tỉnh Hòa Bình đã đạt vượt chỉ tiêu về số xã được công nhận đạt chuẩn NTM (42,9% so với 40%). Trong khi đó, tỉ lệ bình quân đạt tiêu chí xây dựng NTM cũng gia tăng rõ rệt qua các giai đoạn (15.01 tiêu chí/xã năm 2019 so với 11.5 tiêu chí/xã năm 2015 và chỉ 4.4 tiêu chí/xã năm 2011). Đặc biệt, vào thời kỳ bắt đầu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM, toàn tỉnh Hòa Bình có tới 124 xã chỉ đạt dưới 5 tiêu chí. Nhưng đến năm 2015 và 2019 thì toàn tỉnh Hòa Bình không còn xã nào đạt dưới 5 tiêu chí.

Theo Báo cáo 298, nổi bật nhất là có sự ổn định của quy hoạch, điện, thông tin và truyền thông, tỉ lệ lao động có việc làm trong độ tuổi lao động, xây dựng cơ sở hạ tầng văn hóa, cơ sở hợp tác thương mại nông thôn, hệ thống chính trị vững mạnh và tiếp cận pháp luật và thủy lợi (dao động từ 93,2 % đến 100% số xã). Ngược lại, một số chỉ tiêu như cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn quốc gia, y tế cơ sở, môi trường và an toàn thực phẩm, hình thức tổ chức sản xuất hiện đại, thu nhập và hộ nghèo chỉ đạt ở mức trung bình (dao động từ 49,7% đến 68,1% số xã).

Báo cáo số 298/BC-UBND ngày 30/9/2019 cho thấy rằng, tại tỉnh Hòa Bình, phần đa nguồn lực tài chính được huy động chủ yếu từ ngân sách địa phương, lồng ghép với các nội dung khác và vay tín dụng. Người dân và cộng đồng đóng góp tài chính chiếm 5,9% tổng

ngân sách tại địa phương, vẫn còn thấp hơn mức đóng góp tài chính của Trung ương. So với giai đoạn 2011-2015, sự đóng góp tài chính của người dân Hòa Bình có xu hướng giảm mạnh (từ 17,7% xuống còn 5,9%).

Kết quả thực hiện ở Quảng Trị có một số nét nổi bật, cụ thể như sau: (i) nhóm quy hoạch có 117/117 (100%) xã hoàn thành tiêu chí; (ii) nhóm hạ tầng kinh tế - xã hội (trong lĩnh vực giao thông, có 70/117 (59,8%) xã hoàn thành tiêu chí, tức là tăng 38,4% so với năm 2015; (iii) trong lĩnh vực thủy lợi, có 110/117 (94,02%) xã hoàn thành tiêu chí, tức là tăng 52,14% so với năm 2015; (iv) trong lĩnh vực điện, có 117/117 (100%) xã hoàn thành chỉ tiêu, tức là tăng 8,5% so với năm 2015; (v) trong lĩnh vực trường học, có 69/117 (58,9%) xã hoàn thành chỉ tiêu, tức là tăng 25,6% so với năm 2015; (vi) trong lĩnh vực xây dựng cơ sở vật chất văn hóa, có 68/117 (58,1%) xã hoàn thành các tiêu chí, tức là tăng 35,9% so với năm 2015; (vii) trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, có 97/117 (82,9%) xã hoàn thành chỉ tiêu, tức là tăng 13,7% so với năm 2015; (viii) trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, có 91/117 (77,8%) xã hoàn thành chỉ tiêu, tức là tăng 16,24% so với năm 2015).

Tuy vậy, do quy định chỉ tiêu giai đoạn 2016-2020 có sự thay đổi theo hướng nâng cao nên một số địa phương đã không đạt, cụ thể như: (i) nhà ở dân cư chỉ có 88/117 (75,2%) xã hoàn thành chỉ tiêu mặc dù tăng lên 25,6% so với năm 2015; (ii) trong lĩnh vực thu nhập có 83/117 (70,9%) xã đạt chỉ tiêu, tức là chỉ tăng 3,4% so với năm 2015; (iii) về tỉ lệ hộ nghèo, có 74/117 (63,2%) xã đạt chỉ tiêu, mặc dù tăng 41,0% so với năm 2015; (iv) về lao động có việc làm có 111/117 (94,9%) xã đạt chỉ tiêu, tức là tăng 25,6% so với năm 2015; (v) về tổ chức sản xuất, có 75/117 (64,4%) xã đạt chỉ tiêu, tức là tăng 4,27% so với năm 2015; (vi) về giáo dục có 95/117 (81,2%) xã hoàn thành chỉ tiêu, tức là tăng 23,9% so với năm 2015; (vii) về y tế có 111/117 (94,8%) xã hoàn thành chỉ tiêu, tức là tăng 24,8% so với năm 2015; (viii) về lĩnh vực văn hóa, có 116/117 (99,2%) hoàn thành chỉ tiêu, tức là tăng 6,8% so với năm 2015; (ix) về lĩnh vực môi trường và an toàn thực phẩm, có 69/117 (58,9%) xã hoàn thành chỉ tiêu, tức là tăng 28,8% so với năm 2015 (Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị, 2020).

4. Sự ảnh hưởng của việc thực hiện cơ chế phát triển cộng đồng đến xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hòa Bình và tỉnh Quảng Trị

4.1. Dân biết

Việc cung cấp thông tin đầy đủ cho người dân về chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng NTM

đóng vai trò quan trọng. Công tác truyền thông được thực hiện rộng rãi, qua đa dạng các kênh như phát thanh, truyền hình, báo chí, pa nô, khẩu hiệu, họp thôn, họp đoàn thể... Tất cả người dân được khảo sát trên hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị đều biết được Chương trình NTM. Phong trào của các hội đoàn thể đã góp phần cung cấp thông tin đầy đủ, chi tiết và kịp thời cho người dân thông qua các buổi sinh hoạt (BTAP¹, CDI² và ACDC³, 2018: 21). Tại Hòa Bình và Quảng Trị, Mặt trận Tổ quốc đã xây dựng và truyền thông về “Chung sức xây dựng NTM”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”. Trong đó, Hội Phụ nữ cũng có các phong trào truyền thông về “5 không, 3 sạch”, “nhà sạch, vườn đẹp, môi trường trong lành, ngõ xóm văn minh”...

Theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 16 tháng 8 năm 2016 phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Chương trình NTM phải đảm bảo tính minh bạch, công khai và trách nhiệm trong suốt quá trình thực hiện. Quy định của Luật Ngân sách cũng yêu cầu minh bạch và công khai ngân sách đến các đơn vị và cá nhân liên quan, tức là đến toàn thể cán bộ và nhân dân. Khảo sát sự minh bạch và công khai thông tin về kế hoạch, ngân sách, thời gian thực hiện tại 4 xã thuộc hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị, việc cung cấp thông tin cho người dân vẫn còn nhiều hạn chế. Đặc biệt, với các công trình tại cấp xã, người dân ở đây lại không có thông tin cụ thể, một số cán bộ thôn chỉ có thể nắm được một số thông tin sơ bộ, khái quát về tổng kinh phí khi họp với cán bộ xã (BTAP, CDI và ACDC, 2018).

Người dân thường nắm bắt thông tin của Chương trình chủ yếu thông qua các cuộc họp ở thôn. Tuy nhiên, khi cán bộ thông không được cung cấp đầy đủ, cụ thể và kịp thời thông tin thì đến người dân lượng thông tin càng thiếu. Cả bốn xã được khảo sát cũng đã thực hiện một số hình thức thông tin qua hệ thống loa phát thanh, bản tin tại xã nhưng chủ yếu tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng NTM.

Trong khi đó, cán bộ xã cho biết: “Công khai, minh bạch thì xã mở cổng thông tin điện tử nhưng người dân ít quan tâm. Ở cổng thông tin của huyện, của tỉnh thì xã muốn tìm thông tin này khác lại không thấy” (nam, cán bộ MTTQ xã Nà Phòn, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình). Rõ ràng là, việc xã thực hiện công khai, minh

1. BTAP: Liên minh Minh bạch Ngân sách

2. CDI: Trung tâm Phát triển và Hội nhập

3. ACDC: Trung tâm Hành động vì sự nghiệp cộng đồng

bạch trên cổng thông tin của xã đối với người dân nơi đây là chưa phù hợp, chưa hiểu được tập tính, thói quen và phương thức tìm kiếm tin của người dân. Hơn nữa, việc thông tin truyền từ trên xuống qua cổng thông tin cấp tỉnh, cấp huyện cũng bị thiếu hụt và giảm sút nên cán bộ cấp dưới “tìm không thấy”. Tính minh bạch của tiền đầu tư cũng đóng vai trò hết sức quan trọng, nhưng ở một số địa phương thì “*tiền đầu tư bao nhiêu không thấy thông báo, chỉ thông báo là xã sẽ làm con đường và hỏi chúng tôi xem có muốn làm đường không. Tất nhiên chúng tôi đã trả lời là có nhưng cũng không biết rằng mình có phải hiến đất không, tiền cấp trên hỗ trợ được bao nhiêu, người dân cần đóng góp bao nhiêu tiền, đóng góp sức người và sức của ra sao*” (nam, người dân thôn Phú Thiêng, xã Mò Ó, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị).

4.2. Dân bàn và Dân tham gia quyết định

Về tiêu chí “Dân bàn” và “Dân tham gia quyết định”, thực tế khảo sát ở bốn xã đã lựa chọn cho thấy, với những công trình nào giao về cho thôn trực tiếp thực hiện theo cơ chế đặc thù, thì người dân được thảo luận, tham gia góp ý kiến trực tiếp và đề xuất nhiều ý tưởng sáng tạo đồng thời tham gia xây dựng kế hoạch thực hiện, quyết định hình thức tham gia của bản thân phù hợp với điều kiện của các hộ gia đình. Kết quả là người dân tham gia thực hiện các công trình đó rất tích cực và hiệu quả. Ngược lại, ở các công trình do nhà thầu bên ngoài thực hiện, người dân không được tham góp ý kiến cũng như không thể tham gia quyết định kế hoạch thực hiện nên khi cán bộ thôn, cán bộ xã vận động đóng góp tiền mặt, người dân không nhiệt tình tham gia bởi vì họ thiếu niềm tin (BTAP, CDI và ACDC, 2018). Tuy nhiên, cán bộ xã lại cho rằng, nhận thức của người dân về tầm quan trọng của Chương trình xây dựng NTM còn hạn chế hoặc họ chỉ quan tâm, tìm hiểu thông tin thiết thực, gắn liền với lợi ích cụ thể của mình (BTAP, CDI và ACDC, 2018: 55). Như vậy, chúng ta thấy rằng, đánh giá này của cán bộ xã mâu thuẫn với cơ chế “Dân bàn” và “Dân tham gia quyết định”. Việc cán bộ xã thuê các nhà thầu bên ngoài đã đi ngược với quan niệm về người dân là chủ thể của quá trình xây dựng NTM. Khi người dân không được bàn bạc và quyết định vào quá trình xây dựng các công trình mà chính họ sẽ được thụ hưởng thì chắc chắn việc chỉ huy động tiền từ người dân là điều rất khó khăn. Ở những địa bàn như thế của hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị, nhiều tiêu chí xây dựng NTM đạt ở mức thấp và trung bình là vì vậy.

Về quyết định đóng góp vào chương trình NTM, các hình thức chủ yếu là: tiền mặt, tài sản bao gồm cả hiến đất và công lao động. Phổ biến ở bốn xã được khảo

sát là sự đóng góp bằng hiến đất làm đường, cây cối, thức ăn, nước uống và công lao động. Ở xã nào càng có điều kiện thuận lợi và có sự tham gia bàn bạc của người dân thì xã đó càng về đích trước hoặc đúng thời hạn (xã Cao Rằm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và xã Vĩnh Chập, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị). Một điều đáng lưu ý ở xã Vĩnh Chập, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị là có sự đóng góp tích cực của người dân tại chỗ và con em đi làm ăn xa. Rõ ràng, tính cố kết cộng đồng với vốn xã hội co cụm đã giúp cho xã này đạt được 19/19 tiêu chí NTM. Tại thôn Chập Bắc, người dân đã cùng nhau đóng góp kinh phí để chỉnh trang, làm mới đường làng, ngõ xóm. Dưới sự vận động của các hội đoàn thể, người dân tham gia đảm bảo an ninh trật tự và vệ sinh môi trường (BTAP, CDI và ACDC, 2018).

Với những địa phương miền núi (xã Mò Ó, tỉnh Quảng Trị), do điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn nên việc đóng góp bằng tiền là hết sức hạn chế. Tuy nhiên, việc đóng góp bằng cách hiến đất hoặc ngày công lao động vẫn đạt ở mức khá khi có sự vận động và có sự tham gia bàn bạc.

4.3. Dân làm

Trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Đảng và Nhà nước đã xác định rất rõ vai trò chủ thể của người dân ở nông thôn. Do vậy, ở những địa phương nào cung cấp thông tin cho người dân đầy đủ và kịp thời dưới nhiều hình thức gần gũi với khả năng và thói quen tiếp thu thông tin của người dân và ở những nơi động viên, khuyến khích người dân tham góp ý kiến, cho phép người dân quyết định hình thức tham gia, thì ở đó các tiêu chí xây dựng NTM về đích sớm hoặc về đích đúng thời điểm kỳ vọng, bởi vì ở đó, người dân tích cực tham gia các hoạt động một cách sáng tạo:

Tại thôn Chập Bắc, xã Vĩnh Chập, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, hệ thống đường điện “Thắp sáng đường quê” được xây dựng từ sự đóng góp tình nguyện của người dân để mua bóng đèn và dây điện ở mức 100.000 đồng mỗi hộ. Các hộ gia đình có con em đi làm ăn xa cũng gửi tiền về hỗ trợ cho cha mẹ hoặc anh em ở quê. Nhờ thực hiện một cách chủ động, hệ thống “Thắp sáng đường quê” của thôn đã thắp sáng hầu hết các tuyến đường trong thôn. Để vận hành hệ thống này, kinh phí được lấy từ nguồn quỹ thôn hàng năm. Một nhóm các thanh niên và trung niên có năng lực về điện tử được cử ra để sửa chữa và thay thế bóng đèn bị hư hỏng. Có điện, có ánh sáng văn minh đã làm gia tăng tình hình an ninh trật tự của thôn, xóm (BTAP, CDI và ACDC, 2018: 56). Theo Coleman, sự đoàn kết, sẻ chia

của một cộng đồng mà ở đó mọi người liên kết chặt chẽ với nhau bằng con đường tình thân, xóm làng, xúc cảm giúp cho cộng đồng đó làm được nhiều thứ và vượt qua các thử thách trong cuộc sống (Coleman, 1988). Rõ ràng, với hệ thống kết nối vạn vật hiện nay, tình cảm của những con em đi làm ăn xa dành cho thôn, xóm của mình càng được củng cố khi họ tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tại quê hương mình.

Về hoạt động vệ sinh môi trường, nhờ có sự tham gia bàn bạc và quyết định cùng với sự vận động của các tổ chức đoàn thể, người dân tại thôn Chắp Bắc phân công nhau vệ sinh đường làng, ngõ xóm vào các ngày cuối tuần. Đặc biệt, để mang lại màu sắc tươi mới cho thôn, xóm, người dân còn tự tổ chức trồng hoa dọc các tuyến đường của thôn và giao cho các đoàn thể quản lý đoạn đường tự quản. Mỗi xóm xây dựng một khu vực thu gom rác thải sinh hoạt từ tiền đóng góp của người dân và có xe thu gom rác vào các ngày 17 và 21 hàng tháng. Tại các cuộc họp thôn, công tác truyền thông, vận động về giữ gìn vệ sinh chung, không vứt rác sinh hoạt ra đường hoặc vô hóa chất ra đồng ruộng được thực hiện thường xuyên và nhận được sự đồng thuận của người dân (BTAP, CDI và ACDC, 2018).

Một trường hợp điển hình là người dân làm chủ thực sự tại huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Vào những năm 2000, huyện này là điểm nóng về tình hình tội phạm, buôn bán, vận chuyển, sử dụng ma túy, trộm cắp tài sản... làm cho cuộc sống của người dân không được bình yên, đứng trước nhiều nguy cơ, rủi ro. Cấp ủy Đảng và chính quyền đã cùng bàn bạc với người dân để thực hiện mô hình Tổ liên gia tự quản từ mô hình “Tổ an ninh” tại các địa bàn thôn, xóm. Mỗi Tổ liên gia tự quản được hình thành từ 10 đến 15 hộ gia đình có mối quan hệ liên kế, gần nhau và khăng khít với nhau. Năm 2007, theo sự tự nguyện và tự giác hoàn toàn của người dân, huyện Mai Châu đã lựa chọn xóm Lầu thuộc xã Mai Hạ và xóm Mỏ thuộc xã Chiềng Châu để xây dựng mô hình Tổ liên gia tự quản. Các tổ này đã thực hiện tích cực để góp phần giữ vững an ninh trật tự trên cơ sở những quy tắc hành động mà tổ tự bàn bạc và thống nhất xây dựng. Bên cạnh đó, tổ còn vận động nhân dân trong xóm giúp nhau phát triển sản xuất, nâng cao đời sống qua cơ chế “dạy cho nhau, học từ nhau” để nâng cao kiến thức, kinh nghiệm sản xuất, giúp đỡ các thành viên trong tổ về ngày công lao động bằng cách làm sống lại hình ảnh của “tổ đổi công” trong những năm kháng chiến chống Mỹ ở miền Bắc. Theo nhà xã hội học quản lý, Peter Blau, nguyên tắc bị áp đặt từ người này

hoặc nhóm này đối với người khác hoặc người khác thì thường không được thực hiện hoặc, nếu có thực hiện thì cũng bị méo mó. Ngược lại, nguyên tắc hành động được những người trong cuộc bàn bạc, thảo luận và tình tạo ra thì được ủng hộ và thực hiện, bởi vì việc tuân thủ nguyên tắc ở đây chính là thể hiện sự tôn trọng danh dự bản thân (Blau, 1962). Nhờ có hành động tích cực của các Tổ liên gia tự quản, sau 10 năm triển khai (2011 - 2020), mô hình này đã trở thành cầu nối giữa nhân dân với cấp ủy, chính quyền và lực lượng công an các cấp ở địa phương, vai trò tự quản của từng hộ gia đình, từng cá nhân từ đó được phát huy tối đa. Chính nhờ sự gần bó và tương trợ lẫn nhau mà mâu thuẫn, xích mích giữa các tổ viên, hộ gia đình đều được giải quyết thỏa đáng, các tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi. Theo nhà lý luận về công tác xã hội, Write, sự ảnh hưởng của cộng đồng đối với cá nhân càng lớn khi sự liên kết cộng đồng càng chặt chẽ, bởi vì, sự liên kết chặt chẽ ấy tạo ra những chuẩn mực và giá trị cộng đồng (White, 2014). Đến cuối năm 2019, toàn huyện Mai Châu có khoảng 750 Tổ liên gia tự quản tham gia đảm bảo an ninh trật tự bằng việc phủ kín hoạt động 23/23 xã và thị trấn (UBND huyện Mộc Châu, 2020).

Ngược lại với mô hình thành công khi huy động sức dân với tư cách là chủ thể phát triển cộng đồng, ở cả hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị, do chính quyền quy định đóng góp rất cao với nhiều hạng mục nên nhân dân không nhiệt tình tham gia. Bản thân nhiều cán bộ chính quyền cấp xã cũng cho rằng quy định đóng góp tài chính quá cao là không phù hợp và gây ra nhiều khó khăn, hệ lụy cho các hộ gia đình nghèo/cận nghèo. Đơn cử tại Hòa Bình, Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành ngày 13 tháng 07 năm 2017, mức hỗ trợ của nhà nước cho các xã đồng bằng khó khăn để làm đường trục chính nội đồng là 50%, phần đóng góp còn lại chủ yếu thuộc về

4.4. Dân kiểm tra và giám sát

Hiến pháp sửa đổi 2013 có những quy định chặt chẽ về giám sát cộng đồng tại Điều 8, cụ thể như: các cơ quan, tổ chức nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền (Quốc hội, 2013).

Như vậy, hoạt động theo dõi, xem xét, đánh giá, kiến nghị của nhân dân, của các tổ chức xã hội, phương tiện truyền thông đại chúng, cộng đồng hoặc cá nhân đối với bộ máy nhà nước và đối với

các cơ quan hành chính công nhằm đảm bảo cho các tổ chức này thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, đặc biệt phải tôn trọng nhân dân, thực hiện đúng nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân (Quốc hội, 2013).

Tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong hoạt động giám sát của chủ thể thực hiện quyền giám sát của xã hội đối với tổ chức và hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước cấu thành pháp luật về giám sát cộng đồng. Lợi ích của giám sát cộng đồng nhằm đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý hành chính nhà nước, bảo vệ quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức, cộng đồng, xã hội và nhà nước (Chính phủ, 2015).

Tại bốn xã được khảo sát, việc giám sát cũng được thực hiện nhưng chỉ có hiệu quả đối với các công trình cấp thôn, tức là giao cho thôn tổ chức thực hiện. Những công trình do thôn thực hiện, thường là các công trình giao thông, được người dân vừa thực hiện vừa giám sát lẫn nhau nên đạt chất lượng cao ((BTAP, CDI và ACDC, 2018: 61). Trước khi thi công, quản lý thôn tổ chức họp dân, phát huy tính dân chủ cơ sở, tổ chức bàn bạc và thống nhất cách làm/phương thức thực hiện nên người dân có đầy đủ thông tin để giám sát. Các thành viên trong thôn phân công nhau bám sát công trình. Khi kết thúc, đại diện cộng đồng, tổ chức đoàn thể và tổ nhóm thợ thi công cùng tham gia nghiệm thu công trình. Như vậy, tính chất cộng đồng ở đây được thể hiện cao nhất, tức là người dân luôn luôn có cảm giác đây là công trình của mình, do mình thực hiện và mình được thụ hưởng. Về phía người dân, sự tham gia giám sát đã tạo cho họ có “cảm giác thuộc về” nơi mình đang sinh sống (White, 2014). Cảm giác thuộc về nơi mình sinh sống chính là tình cảm tự hào về những gì tốt đẹp mà quê hương cho họ, đồng thời bảo vệ quê hương trước những vấn đề hoặc khó khăn. Về phía lãnh đạo xã, khi thực hiện phân cấp, phân quyền và phân trách nhiệm giải trình cho thôn (tiến độ giải ngân, kế hoạch thực hiện, chất lượng máy móc, vật tư, nguyên liệu... của các tổ chức, cá nhân cung ứng), trách nhiệm và sự gần gũi giữa cán bộ xã với người dân được nâng lên rõ rệt (BTAP, CDI và ACDC, 2018).

Tuy nhiên, qua khảo sát tại bốn xã, giám sát cộng đồng chưa thực sự phát huy hiệu quả đối với các công trình do cấp huyện, cấp tỉnh quản lý, làm chủ đầu tư, hoặc do nhà thầu bên ngoài cộng đồng thi công, hoặc do thiếu cơ chế minh bạch, công khai thông tin, thiếu chế tài phù hợp và đặc biệt thiếu phản hồi nhanh chóng

và hiệu quả. Hơn nữa, ban giám sát đầu tư cũng không được đào tạo nên năng lực còn hạn chế (BTAP, CDI và ACDC, 2018: 56). Theo một cán bộ hội đồng nhân dân cấp huyện: *“Khi cộng đồng không có điều kiện thực hiện chức năng giám sát của mình đối với các công trình cấp huyện, cấp tỉnh, thì Hội đồng nhân dân cấp đó có trách nhiệm giám sát. Tuy nhiên, quả thực là công việc giám sát của Hội đồng nhân dân vẫn còn hình thức mặc dù đã thông qua Nghị quyết”* (Nữ, Vĩnh Linh, Quảng Trị). Luật số 87/2015/QH13 Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015 cũng đã quy định rõ vai trò, chức năng và nhiệm vụ giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Tuy nhiên, những công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM rất khó giám sát thường ngày, bởi chúng rất đa dạng và mọi mặt của cuộc sống nông thôn.

Tóm lại, ở đâu có giám sát cộng đồng thường xuyên, đầy đủ và kịp thời thì ở đó có công trình tốt và nhân dân được thụ hưởng cao. Ngược lại, ở đâu có sự lơ là giám sát (nhất là các công trình cấp huyện, cấp tỉnh quản lý) thì ở đó vai trò giám sát của cộng đồng thường thiếu hụt, trong khi đó, Hội đồng nhân dân cùng cấp cũng đang thực hiện vai trò, chức năng và nhiệm vụ của mình mang tính hình thức: *“Có những công trình do huyện hoặc tỉnh quản lý trực tiếp, làm chủ đầu tư thì rất chất lượng, nhưng tốn kém như thế nào thì người dân khó biết được”* (nam, cán bộ MTTQ Quảng Trị).

4.5. Dân thụ hưởng

“Dân thụ hưởng” là mục tiêu sau cùng của mọi sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Mặc dù mới được đưa vào “công thức” “Dân biết, Dân bàn, Dân làm, Dân kiểm tra, Dân giám sát, Dân thụ hưởng” từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhưng cụm khái niệm “Dân thụ hưởng” đã được bàn bạc riêng ở trong rất nhiều văn bản pháp quy của Nhà nước. Bản thân Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020 cũng xem nội dung “Dân thụ hưởng” là mục tiêu tối thượng. Đặc biệt giai đoạn 2016-2020, việc quy định hẳn “tiêu chí thứ 20” yêu cầu đánh giá mức độ hài lòng của người dân khi được sử dụng các công trình được thực hiện trong chương trình NTM, đã thể hiện sự gia tăng của dân chủ thực sự. Theo Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM. Để thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của người dân, Hướng dẫn 78/HD-MTTW-BTT

nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện, cấp xã ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2017 quy định 17 nội dung với 03 mức (hài lòng, không hài lòng và không có ý kiến). Kết quả khảo sát tại bốn xã được lựa chọn cho thấy rằng 90% hài lòng với nội dung câu số 17 và 80% hài lòng với 16 nội dung còn lại.

Trong bốn xã được nghiên cứu, thị xã Cao Răm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình là xã đầu tiên đã tổ chức việc lấy ý kiến của người dân để hoàn thành thủ tục công nhận đạt chuẩn NTM. Kết quả ở xã này chỉ ra rằng, tại một số thôn, người dân chưa hài lòng với một số công trình giao thông, điện, thủy lợi vì chưa đáp ứng được sự kỳ vọng của họ. Đối với các xã còn lại (Vinh Cháp, Vinh Linh, Quảng Trị; Mò Ó, Đakrông, Quảng Trị; Mai Hịch, Mai Châu, Hòa Bình), nhiều người dân cũng chưa thực sự hài lòng về quyền giám sát của họ đối với các công trình do cấp huyện, cấp tỉnh trực tiếp quản lý. Ngược lại, người dân tham gia thực hiện và giám sát công trình nào thì họ hài lòng với việc sử dụng và thụ hưởng công trình đó (BTAP, CDI và ACDC, 2018).

Rõ ràng, bài học và phương châm “lấy dân làm gốc”, “lấy xóm, ấp làm điểm bắt đầu” hoàn toàn phù hợp với cơ chế “Dân thụ hưởng” trong ngành phát triển cộng đồng. Vai trò chủ thể của người dân nông thôn trong quá trình XDNTM thể hiện ở nhiều khía cạnh: (i) nguồn nhân lực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; (ii) nguồn cung cấp dịch vụ nông nghiệp nâng cao thu nhập, ổn định đời sống, làm giảm di cư tự do chiều nông thôn - đô thị; (iii) hưởng lợi hạ tầng cơ sở nông thôn; (iv) thụ hưởng đời sống an ninh, trật tự; (v) các hoạt động văn hóa ngày càng phong phú; (vi) đặc biệt, tình làng nghĩa xóm và sự liên kết cộng đồng được củng cố và phát huy...

Nói tóm lại, người dân của bốn xã khảo sát đã và đang được thụ hưởng cuộc sống vật chất và cuộc sống tinh thần (tâm lý và xã hội) ngày càng tốt hơn. Tuy nhiên, cũng cần khẳng định lại rằng, ở đâu người dân

thực sự là chủ thể phát triển nông thôn thì ở đó cuộc sống của người dân được ấm no, hạnh phúc, an toàn, hòa bình và có nhiều cơ hội phát triển. Ngược lại, ở đâu người dân ở thế bị động thì ở đó có sự xa dân của cán bộ công quyền và mục tiêu xây dựng nông thôn mới khó đạt như kỳ vọng.

5. Kết luận

Thứ nhất, cơ chế phát triển cộng đồng theo quan niệm của ngành công tác xã hội cơ bản tương đồng với phương châm phát triển kinh tế - xã hội trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới “Dân biết, Dân bàn, Dân tham gia quyết định, Dân làm, Dân kiểm tra, Dân giám sát, Dân thụ hưởng”. Tuy nhiên, về mặt lý luận, có một sự khác biệt, đó là trong cơ chế phát triển cộng đồng, với tư cách là chủ thể chính giải quyết vấn đề của mình, thì sự tham gia quyết định kế hoạch và hình thức tham gia xây dựng nông thôn mới của mỗi người trong cộng đồng đóng vai trò quan trọng và ý nghĩa.

Thứ hai, ở các nội dung xây dựng nông thôn mới do cấp huyện, cấp tỉnh trực tiếp quản lý và thuê tổ chức hoặc cá nhân ngoài cộng đồng thực hiện thì sự tham gia của người dân vào các bước thực hiện là rất hạn chế. Từ đó, mức độ hài lòng của người dân khi thụ hưởng các cơ sở hạ tầng được “người ngoài” xây dựng thường khiêm tốn. Ngược lại, ở các nội dung xây dựng nông thôn mới được giao trực tiếp cho thôn, cho xã quản lý, sự tham gia của người dân vào quá trình thực hiện công trình đầy đủ hơn nên mức độ hài lòng của cộng đồng cũng cao hơn khi thụ hưởng.

Thứ ba, qua nghiên cứu bốn xã trên địa bàn hai tỉnh Quảng Trị và Hòa Bình, có thể khái quát rằng, ở đâu vai trò chủ thể của cộng đồng được tôn trọng và phát huy tối đa thì ở đó xây dựng nông thôn mới cũng thành công tối đa. Ngược lại, ở đâu mà người dân bị áp đặt bởi những quy định và cách làm của “những người ngoài cuộc” thì ở đó sự tham gia của cộng đồng trong các khâu trở nên yếu ớt và mức độ thành công của xây dựng nông thôn mới đạt thấp hơn hoặc thậm chí bị thất bại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ACDC, CDI và BTAP. (2018). *Báo cáo đánh giá tiếng nói của người dân và cán bộ địa phương về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*.
- Blau Peter M và W. Richard Scott. (1962). *Các tổ chức chính thức: Phương pháp tiếp cận so sánh*. Stanford Calif: Stanford University Press.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2017). *Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ban hành ngày 14/02/2017 hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2016). *Quyết định số 4072/QĐ-BNN-VPĐP ban hành ngày 05/10/2016 phê duyệt chương trình khung tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020*.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2017). *Quyết định số 4781/QĐ-BNN-VPĐP ban hành ngày 21/11/2017 ban hành sổ tay hướng dẫn phát triển sản xuất trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2017). Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ban hành ngày 09/01/2017 ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2017). Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ban hành ngày 01/03/2017 hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
- Bộ Tài chính. (2017). Thông tư 43/2017/TT-BTC ban hành ngày 12/05/2017 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
- Chính phủ. (2015). Nghị định số 84/2015/NĐ-CP về giám sát và đánh giá đầu tư. Ban hành ngày 30 tháng 09 năm 2015.
- Chính phủ. (2016). Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ban hành ngày 02/12/2016 cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.
- Chính phủ. (2018). Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ban hành ngày 13/09/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.
- Coleman, J. S. (1988). "Social capital in the creation of human capital". *The American Journal of Sociology*. 94(1) Supplement: Organizations and institutions: Sociological and economic approaches to the analysis of social structure 95 - 120.
- Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình. (2017). Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND ban hành ngày 13 tháng 7 năm 2017 quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2016-2020. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Nghi-quyet-51-2017-NQ-HDND-ho-tro-ngan-sach-thuc-hien-xay-dung-xa-nong-thon-moi-Hoa-Binh-357688.aspx>.
- Thủ tướng Chính phủ (2016). Quyết định 2540/QĐ-TTg ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). Quyết định số 1600/QĐ-TTg ban hành ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). Quyết định số 1730/QĐ-TTg ban hành ngày 05/09/2016 về việc ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua "cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2016-2020.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). Quyết định số 1980/QĐ-TTg ban hành ngày 17/10/2016 về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). Quyết định số 2540/QĐ-TTg ban hành ngày 30/12/2016 về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ban hành ngày 10/10/2016 ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). Quyết định số 558/QĐ-TTg ban hành ngày 05/05/2016 về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.
- Thủ tướng Chính phủ. (2017). Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ban hành ngày 22/04/2017 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
- Thủ tướng Chính phủ. (2017). Quyết định số 45/QĐ-TTg ban hành ngày 12/01/2017 phê duyệt chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (sửa đổi, bổ sung quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ).
- Thủ tướng Chính phủ. (2018). Quyết định số 1385/QĐ-TTg ban hành ngày 21/10/2018 phê duyệt đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020.
- Thủ tướng Chính phủ. (2018). Quyết định số 490/QĐ-TTg ban hành ngày 07/05/2018 phê duyệt chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020.
- Thủ tướng Chính phủ. (2018). Quyết định số 691/QĐ-TTg ban hành ngày 05/06/2018 ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020.
- UBND huyện Mộc Châu. (2020). Báo cáo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị. (2019). Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Ban Thường trực. (2017). Hướng dẫn 78/HD-MTTW-BTT nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện, cấp xã ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2017.
- White, Cameron. (2014). *Community Education for Social Justice*. Leiden. The Netherlands, DOI: <https://doi.org/10.1007/978-94-6209-506-9v>